TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **307**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10/12/2021
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Hà.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh - Cán bộ hưu trí.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ thành phố B.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Trương Tùng Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2021/QĐXX-ST ngày 05/07/2021, Thông báo dời lịch xét xử vụ án số 257/TB-TA ngày 04/08/2021; Thông báo mở lại phiên Tòa xét xử vụ án số 366/TB-TA ngày 25/10/2021; Quyết định hoãn phiên Tòa số 528/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/11/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ng, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: tổ 11, khu phố 1, phường L, thành phố B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 1, khu phố 3A, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Ng có đơn xin xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà Trương Thị Ng trình bày: bà xây dựng gia đình với ông Nguyễn Quốc T vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng trong suy nghĩ, quan điểm sống khác biệt nên vợ chồng thường xuyên xung đột, cải vả nhau. Xét tình cảm không còn nên bà xin ly hôn.

Về con chung: có 01 cháu tên là Nguyễn Quốc K, sinh ngày: 24/02/2012. Nếu Tòa giải quyết ly hôn bà xin nuôi con, tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa giải quyết

Bị đơn ông Nguyễn Quốc T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện.

*** Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật;

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị Ng. Cho bà Trương Thị Ng được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

+ Về con chung: có 01 cháu tên là Nguyễn Quốc K, sinh ngày: 24/02/2012. Ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Quốc K, sinh ngày: 24/02/2012 cho bà Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

+ Về án phí: bà Ng phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyễn Quốc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a,b khoản 1 điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2016, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ng, ông T là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Ng và ông Nguyễn Quốc T tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Th, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ các điều 9, 10,11,12 Luật

Hôn nhân gia đình năm 2000 xác định quan hệ hôn nhân của bà Ng, ông T là hợp pháp. Nay bà Ng xin ly hôn, Tòa án căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Ng: Bà Ng xin ly hôn với ông T với lý do bất đồng trong suy nghĩ, quan điểm sống khác biệt nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, gây gỗ cải vả nhau. Về phía ông T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ kiện dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về địa chỉ của ông T và mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Ng và ông T thì được biết ông T có sinh sống tại địa chỉ nhà không số tổ 1, khu phố 3A, phường Tr, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đối với mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Ng, ông T thì địa phương cho biết bà Ng và ông T không còn chung sống với nhau khoảng 02 năm.

Trên cơ sở tài liệu thu thập được xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Ng là có cơ sở chấp nhận bởi lẽ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo hòa giải cho ông T lên Tòa làm việc cũng như hòa giải cho ông và bà Ng nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do, điều này cho thấy bản thân ông đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân của mình thì cho dù có hàn gắn đoàn tụ ông bà cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau. Nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng. Cho bà Ng được ly hôn với ông T là phù hợp.

[4] Về con chung: có 01 cháu tên là Nguyễn Quốc K, sinh ngày: 24/02/2012. Ly hôn bà Ng có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Tòa án đã tham khảo ý kiến của cháu K thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ để mẹ chăm sóc cháu. Xét thấy cháu K hiện nay đang sống với bà Ng, ông T cũng không đến Tòa làm việc để có ý kiến về việc nuôi con. Tránh xáo trộn cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu cho bà Ngọc trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp; Bà Ng không có yêu cầu ông Tuấn cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ng trình bày không có và không yêu cầu giải quyết. Do không có lời khai của ông T nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Ng phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 203, 235, điểm a, b khoản 1 điều 238, 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2016;

- Áp dụng Điều 9, 10,11,12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 ; điều 51, 53, 54, 56, 57, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị Quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Trương Thị Ng. Bà Trương Thị Ng được ly hôn với ông Nguyễn Quốc T.

2. Về con chung: có 01 cháu tên là Nguyễn Quốc Kt, sinh ngày: 24/02/2012. Ly hôn giao cháu K cho bà Ng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì không trực tiếp nuôi con nên ông T được quyền đi lại thăm con không ai cản trở. Vì quyền lợi của trẻ khi cần thiết ông bà được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ng phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0000047 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Nai (2);
-VKSND thành phố B(2);
-THA Dân sự thành phốB(1);
TP B, tỉnh Đồng Nai (1);
-UBND xã Th, Huyện H, tỉnh Đồng Tháp.
-Đương sự (2)
-Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Mộng Hà